

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HC-PT

Ngày 14/02/2023

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Lê Phước Thanh**

Các thẩm phán: ông **Trần Đức Kiên**

 ông **Đinh Phước Hòa**

- Thư ký phiên tòa: bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông **Phạm Tấn Ánh**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại Điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, kết nối với điểm cầu thành phần tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử trực tuyến công khai vụ án hành chính thụ lý số: 277/2022/TLPT-HC ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2022/HC-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

- Người khởi kiện: Ông Đậu Ngọc K, sinh năm 1954

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Hồng T; địa chỉ: tỉnh Quảng Bình- Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đậu Ngọc K: Luật sư Diệp Kiến T – Văn phòng Luật sư T; địa chỉ: tỉnh Quảng Bình, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình- Có mặt.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Bà Nguyễn Thị Ngọc T – Phó Chủ tịch UBND huyện Q (Văn bản ủy quyền số 07/GUQ - CT ngày 19/7/2022) - Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

+ Ông **Nguyễn Thanh B** – Trưởng Phòng Tài nguyên – Môi trường UBND huyện Q (văn bản ủy quyền số 07/GUQ - CT ngày 19/7/2022) - Có mặt.

+ Ông **Hoàng Văn C** – Trưởng Phòng Tư pháp UBND huyện Q (văn bản ủy quyền số 07/GUQ - CT ngày 19/7/2022) – Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Phạm Văn D**; địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Đại diện ủy quyền: Bà Trịnh Thị Thanh H- Có mặt.

+ Ông **Bùi Minh P**; địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình- Có mặt.

+ Bà **Nguyễn Thị T**; địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình- Có mặt.

+ Bà **Đậu Thị S**; địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình- Có mặt.

+ Ông **Đậu Văn S**; địa chỉ: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Thiệu L; địa chỉ: tỉnh Quảng Bình- Có mặt.

Người kháng cáo: ông K, bà T, ông P, bà S, ông S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản đối thoại và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông Đậu Ngọc K trình bày:

Gia đình ông Đậu Ngọc K hiện đang sinh sống ở thửa đất số 12, tờ bản đồ số 3 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Nguồn gốc thửa đất này được vợ chồng ông Đậu Ngọc K và bà Nguyễn Thị T khai hoang sử dụng từ năm 1991 cho đến nay. Phần diện tích này có vị trí, kích thước như sau:

- Phía Bắc giáp nhà ông Đậu Văn N
- Phía Tây giáp quốc lộ 1A
- Phía Đông giáp kênh X
- Phía Nam giáp cầu H

Đến năm 1994, mẹ của ông K là bà Phạm Thị K có nhu cầu về ở chung với ông K nên làm đơn xin chuyển nhà về vị trí này ở với ông K, được UBND xã Q chấp nhận, có Biên lai thu tiền lệ phí 50.000 đồng. Phần đất được UBND xã Q chấp nhận có vị trí tứ cạnh như ông K khai hoang nhưng cách vực cầu H về phía Bắc 30 m. Từ năm 1991 cho đến nay, gia đình ông K sử dụng ổn định, khai hoang, trồng trọt trên đất. Hiện nay, vẫn còn những cây trồng lâu năm trên đó, có nhà kiên cố trên đất. Ông K không xác định được diện tích đất cụ thể là bao nhiêu. Nay kiểm tra đo đạc thực tế thì đó là thửa đất số 12, tờ bản đồ số 51, diện tích 2.352 m² nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2014, gia đình ông Phạm Văn D có đưa đất về đổ lên đất

của ông K nên hai gia đình xảy ra tranh chấp. Ông K có báo lên UBND xã Q và được UBND xã Q hòa giải nhưng không hòa giải được. Ông K không nhớ chính xác thời gian. Chỉ cung cấp được biên bản hòa giải năm 2017 (đã cung cấp cho Tòa). Sau đó, ông K nhận được Quyết định số 2356/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 và Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 của UBND huyện Q giải quyết tranh chấp đất đai. Gia đình ông K không đồng ý tuy nhiên do thiếu hiểu biết nên không biết làm thế nào để bảo vệ quyền lợi của mình do đó ông K có lên UBND xã Q để nhờ hướng dẫn nhưng không được hướng dẫn cụ thể. Đến khi nhận được quyết định cưỡng chế số 913/QĐ-CC ngày 17/5/2022 của UBND huyện Q thì ông K mới làm đơn khởi kiện đến Tòa án đề nghị hủy Quyết định số 913/QĐ-CC ngày 17/5/2022 và các Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai vì lý do UBND huyện Q công nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng không trực tiếp quản lý, sử dụng đất từ năm 1991 đến nay; Không công nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân sử dụng đất ổn định từ năm 1991 đến nay. Ngoài ra, UBND huyện Q cũng chưa làm rõ vị trí vực Cầu H để làm rõ ranh giới đất được giao cho ông Đậu Ngọc K và bà Phạm Thị K. Trong quá trình giải quyết tranh chấp đất, UBND huyện Q và UBND xã Q không lấy ý kiến của những hộ gia đình sống liền kề đó mà chỉ lấy ý kiến dựa trên trình bày của ông D.

Nay ông Đậu Ngọc K làm đơn khởi kiện đến Tòa án đề nghị hủy Quyết định số 913/QĐ-CC ngày 17/5/2022 và các Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 08/3/2019; Quyết định số 2356/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 về giải quyết tranh chấp đất đai; Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Đậu Ngọc K đối với thửa đất số 12, tờ bản đồ số 51, diện tích 2.352 m², địa chỉ: thôn H, xã Q, huyện Q.

Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện Q tại Văn bản số 1003/UBND-TNMT ngày 01/8/2022 trình bày ý kiến như sau:

Ngày 08/03/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q đã ban hành Quyết định số 398/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Phạm Văn D và ông Đậu Ngọc K, trú tại thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (sau đây gọi tắt là Quyết định số 398/QĐ-UBND). Sau khi ban hành, Quyết định 398/QĐ-UBND đã được giao cho ông Đậu Ngọc K và các bên liên quan. Theo quy định tại khoản 1, Điều 4, Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của UBND tỉnh Quảng Bình, cụ thể như sau: “Sau khi nhận được quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần đầu của người có thẩm quyền mà các bên hoặc một trong các bên tranh chấp không đồng ý với quyết định giải quyết thì phải gửi đơn đề nghị giải quyết tranh chấp lần hai đến người có thẩm quyền. Trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần đầu hoặc không quá 45 ngày đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn mà các bên hoặc một trong các bên tranh chấp không có đơn gửi người có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai lần hai thì quyết định giải quyết tranh chấp lần đầu có hiệu lực thi hành”. Trong thời gian quy định trên, UBND huyện Q không nhận được

văn bản nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thụ lý, giải quyết tranh chấp đất đai lần hai. Vì vậy, Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 08/03/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Phạm Văn D và ông Đậu Ngọc K, trú tại thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình đã có hiệu lực thi hành.

Ngày 01/7/2020, UBND xã Q đã tổ chức làm việc với 02 hộ gia đình để vận động, thuyết phục và thống nhất việc thực hiện các nội dung Quyết định 398/QĐ-UBND. Tuy nhiên tại buổi làm việc hộ gia đình ông Đậu Ngọc K không thống nhất và không thực hiện. Ủy ban nhân dân huyện Q đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các phòng ban liên quan và UBND xã Q tổ chức mời ông Đậu Ngọc K làm việc để vận động, thuyết phục hộ gia đình tự nguyện thực hiện Quyết định số 398/QĐ-UBND. Tại các buổi làm việc vào ngày 18/01/2021 và 17/11/2021, ông Đậu Ngọc K đã được các phòng ban chuyên môn giải thích về các quyền và nghĩa vụ liên quan và yêu cầu ông tự nguyện chấp hành các nội dung quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch UBND huyện. Tuy nhiên qua các buổi làm việc, ông Đậu Ngọc K vẫn không chấp hành quyết định.

Theo nội dung đơn yêu cầu của ông Phạm Văn D trú tại thôn H, xã Q về việc đề nghị tổ chức cưỡng chế để thực hiện Quyết định số 398/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Phạm Văn D và ông Đậu Ngọc K. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q đã căn cứ các quy định tại Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai; quyết định công nhận hòa giải thành đã có hiệu lực pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Bình để ban hành và tổ chức thực hiện Quyết định số 913/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 về việc cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

Sau khi nhận được Quyết định số 913/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện Q về việc cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, ông Đậu Ngọc K đã có đơn khiếu nại quyết định và Chủ tịch UBND huyện Q đã ban hành Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu theo quy định, trong đó không công nhận nội dung khiếu nại của ông Đậu Ngọc K.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho người bị kiện ông Nguyễn Thanh B tại biên bản đối thoại trình bày ý kiến như sau:

Trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 913/QĐ-CC ngày 17/5/2022 UBND huyện Q đã thực hiện đúng quy định pháp luật và đã có ý kiến tại văn bản số 1003/UBND-TNMT ngày 01/8/2022 của UBND huyện Q. Đối với Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 đã hết thời hiệu khởi kiện, do đó đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đậu Ngọc K.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Văn D trình bày: Năm 1997, ông D xin khu vực đất đang tranh

chấp để làm hồ cá được UBND xã Q đồng ý, cấp giấy cho cải tạo hồ cá. Năm 1998, ông được Nhà nước đền bù cho số tiền 840.000 đồng do nâng cấp đường quốc lộ 1A đi qua hồ nuôi cá của ông. Năm 2004, ông D xin chuyển đất hồ cá sang đất ở để xây nhà cho con. UBND xã đồng ý và cho thu tiền 1.500.000 đồng, có phiếu thu. Ông D tiến hành đổ đất lên thửa đất có tranh chấp. Đến năm 2013, ông được Nhà nước đền bù cho 540 m³ với số tiền 37.260.000 đồng do đường quốc lộ 1A do nâng cấp, mở rộng đường quốc lộ 1A. Năm 2013, hai gia đình xảy ra tranh chấp đất, ông D tiếp tục đổ đất lên thửa đất tranh chấp. Sau đó, ông D nộp đơn lên UBND xã Q hòa giải tuy nhiên giải quyết không thành. Ông D tiếp tục nộp đơn đề nghị giải quyết tranh chấp lên UBND huyện Q. Ngày 08/3/2019, Chủ tịch UBND huyện Q ra quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 398/QĐ-UBND. Quyết định có hiệu lực thi hành nhưng ông K không thực hiện. Vì vậy, ông làm đơn yêu cầu cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai. Ngày 17/5/2022, Chủ tịch UBND huyện Q ban hành Quyết định cưỡng chế số 913/QĐ-CC. Nay ông K yêu cầu hủy các quyết định hành chính nói trên ông không nhất trí.

- Ông Bùi Minh P trình bày ý kiến:

Ông bắt đầu về tại thửa đất tranh chấp từ năm 2011. Năm 2012 bắt đầu xây dựng nhà ở, nhà ông, lợp tôn diện tích 110 m². Hiện nay là quán sửa xe máy. Năm 2013, ông D có đổ đất lên phần đất của ông K, ông ngăn cản không cho đổ. Ông D cho người tới uy hiếp ông. Từ khi ông về đó sinh sống cho đến nay thì ông không hề thấy ông D tới đó canh tác hay sử dụng đất. Trong quá trình giải quyết đất đai thì UBND xã và UBND huyện không lấy ý kiến của ông. Do vậy, ông không chấp nhận Quyết định giải quyết của UBND huyện Q. Đề nghị hủy Quyết định số 913/QĐ-CC ngày 17/5/2022 và các Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 08/3/2019; Quyết định số 2356/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 về giải quyết tranh chấp đất đai; Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Đậu Ngọc K đối với thửa đất số 12, tờ bản đồ số 51, diện tích 2352 m², địa chỉ: thôn H, xã Q, huyện Q.

- Bà Nguyễn Thị T, bà Đậu Thị S:

Nhất trí như ý kiến trình bày của ông K về hủy hai quyết định 913 và quyết định 398.

- Ông Đậu Văn S và người đại diện theo ủy quyền của ông S là bà Nguyễn Thị Thiệu L trình bày: Toàn bộ tài sản trên phần đất tranh chấp giữa ông K và ông D là của ông S quán, cầu rửa xe và đổ đất. Hiện nay, quyền lợi của ông S chưa được giải quyết nên việc ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai là không đúng luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2022/HC-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác đơn khởi kiện của ông Đậu Ngọc K đề nghị hủy Quyết định số 913/QĐ-CC ngày 17/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện Q về cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai; Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện Q.

2. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí hành chính sơ thẩm.

- Ngày 08/10/2022, ông Bùi Minh P, bà Nguyễn Thị T và bà Đậu Thị S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Ngày 10/10/2022, ông Đậu Ngọc K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Ngày 07/10/2022, ông Đậu Văn S kháng cáo đề nghị giải quyết bồi thường phần tài sản trên đất của ông; gồm nhà rửa xe, đồ đất san lấp mặt bằng nhà rửa xe.

Tại phiên tòa phúc thẩm; ông Đậu Ngọc K, ông Đậu Văn S, ông Bùi Minh P, bà Nguyễn Thị T và bà Đậu Thị S giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính và về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX tuyên bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tại đơn khởi kiện ngày 27/6/2022 của ông Đậu Ngọc K và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông K là bà Phan Thị Hồng T trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm đều thể hiện yêu cầu đề nghị hủy Quyết định số 913/QĐ-CC ngày 17/5/2022 và Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 08/3/2019.

Tuy nhiên, theo lời khai của bà Nguyễn Thị T (vợ ông Đậu Ngọc K) tại Biên bản ngày 18/01/2021 thì đến tháng 4/2019 gia đình bà K đã gửi đơn khiếu nại đến UBND tỉnh Quảng Bình và Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Quảng Bình, bà đã nhận được Công văn của UBND tỉnh Quảng Bình trả lời: “*Gia đình đã có đơn gửi đơn đến UBND tỉnh và Sở Tài nguyên Môi trường vào tháng 4/2019. Sau đó, UBND tỉnh đã có Công văn trả lời cho gia đình và đề nghị hộ gia đình gửi đơn lên thanh tra tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường*” và cũng tại Biên bản ngày 18/01/2021; phòng Tài nguyên Môi trường huyện Q đã yêu cầu bà T cung cấp văn bản trả lời của UBND tỉnh Quảng Bình nhưng bà T không cung cấp. Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm; ông Đậu Ngọc K vẫn không cung cấp được và không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc khiếu nại Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 398/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q. Vì vậy, lời khai về việc đã khiếu nại đối với Quyết

định giải quyết số 398/QĐ-UBND của bà Nguyễn Thị T cũng như ông Đậu Ngọc K không có căn cứ. Cho nên, HĐXX cấp phúc thẩm có cơ sở xác định: Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Phạm Văn D và ông Đậu Ngọc K số 398/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q, ngay sau khi được ban hành đã được giao cho ông Đậu Ngọc K nhưng ông K không thực hiện việc khiếu nại hoặc khởi kiện quyết định giải quyết tranh chấp số 398/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 theo quy định tại Điều 4 Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 398/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 và quy định tại khoản 1, Điều 4, Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của UBND tỉnh Quảng Bình nên Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 398/QĐ-UBND ngày 08/3/2019, có hiệu lực thi hành và đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính và như ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đậu Ngọc K tại bản luận cứ ngày 25/9/2022: *“Xét theo quy định của pháp luật thì Quyết định cưỡng chế 913/QĐ-CC còn thời hiệu khởi kiện. Còn Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 và Quyết định số 2356/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 đã hết thời hiệu khởi kiện.”*. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị xem xét hủy Quyết định 398/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 của ông Đậu Ngọc K là có căn cứ và đúng quy định tại điểm a, khoản 2; khoản 3 Điều 203 và khoản 4 Điều 203 Luật đất đai 2013: *“4. ... Quyết định giải quyết tranh chấp có hiệu lực thi hành phải được các bên tranh chấp nghiêm chỉnh chấp hành. Trường hợp các bên không chấp hành sẽ bị cưỡng chế thi hành.”* và điểm g, khoản 1 Điều 143 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Ngày 01/7/2020, UBND xã Q đã tổ chức làm việc với 02 hộ gia đình để vận động, thuyết phục và thống nhất việc thực hiện các nội dung Quyết định 398/QĐ-UBND và ngày 18/01/2021, 17/11/2021, Ủy ban nhân dân huyện Q tổ chức vận động, thuyết phục hộ gia đình Đậu Ngọc K tự nguyện thực hiện Quyết định số 398/QĐ-UBND nhưng ông Đậu Ngọc K vẫn không chấp hành quyết định. Do đó, theo đơn đề nghị cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 398/QĐ-UBND đã có hiệu lực pháp luật của ông Phạm Văn D; Chủ tịch UBND huyện Q đã chỉ đạo tiến hành thụ lý đơn, thẩm tra, xác minh về điều kiện bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế, thu thập tài liệu, chứng cứ. Căn cứ vào các tài liệu do các cơ quan, đơn vị và cá nhân cung cấp; báo cáo kết quả xác minh, kết quả xác minh; các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành giải quyết tranh chấp đất đai, Chủ tịch UBND huyện Q ban hành Quyết định số 913/QĐ-CC đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 4 Điều 203 Luật đất đai; khoản 2 Điều 91 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 hướng dẫn thi hành Luật đất đai; Điều 6, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 3/3/2019 của UBND tỉnh Quảng Bình.

Ngoài ra, kháng cáo còn cho rằng trước khi ban hành quyết định cưỡng chế; UBND huyện Q không xác minh tài sản trên đất, không xem xét thực tế tài sản trên đất đã có trước Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 để giải quyết bồi thường

theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 9 Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 3/3/2019 của UBND tỉnh Quảng Bình là không đúng quy định của pháp luật và làm ảnh hưởng đến lợi ích của những người kháng cáo. HĐXX cấp phúc thẩm xét thấy:

- Trước khi ban hành quyết định số 913/QĐ-CC ngày 17/5/2022, UBND huyện Q đã tiến hành kiểm tra hiện trạng, xác minh các điều kiện đảm bảo thi hành quyết định cưỡng chế vào ngày 11/5/2022 (*Biên bản ngày 11/5/2022- BL 120*) và kết thúc việc kiểm tra, UBND huyện Q đã yêu cầu tự tháo dỡ và di dời các tài sản trên đất: “*yêu cầu gia đình ông Đậu Ngọc K tự tháo dỡ và di dời các tài sản trên thửa đất*” nhưng gia đình ông K không chấp hành.

- Theo hồ sơ xử lý vi phạm hành chính được lưu giữ tại UBND xã Q và sự thừa nhận của đại diện theo ủy quyền của ông K (*bà T*), thừa nhận của đại diện theo ủy quyền của ông S (*bà L*) về các lần UBND xã Q lập biên bản, ra quyết định xử lý vi phạm hành chính cho thấy các tài sản trên đất theo Biên bản kiểm tra hiện trạng, xác minh các điều kiện đảm bảo thi hành quyết định cưỡng chế vào ngày 11/5/2022 như cây cối, quán sửa xe tạm... nhưng các tài sản này tạo lập trái phép và đã bị UBND xã Quảng Hưng lập biên bản xử lý vi phạm hành chính (*Tháng 11/2014, ông K xây dựng nhà ở cho con và bị UBND xã Q lập Biên bản xử lý vi phạm hành chính; tháng 02/2015, ông K tiếp tục san lấp mặt bằng và bị UBND xã Q lập Biên bản xử lý vi phạm hành chính; tháng 03/2015, ông K tiếp tục trồng cây, làm hàng rào và bị UBND xã Q lập Biên bản xử lý vi phạm hành chính; tháng 7/2015, ông K tiếp tục xây dựng và coi nơi nhà và bị UBND xã Q lập Biên bản xử lý vi phạm hành chính; ngày 22/12/2021, ông K tiếp tục san lấp mặt bằng và bị UBND xã Q lập Biên bản xử lý vi phạm hành chính. Tháng 3/2015, ông Đậu Văn S bị UBND xã Q lập Biên bản xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi đổ đất làm nơi rửa xe ô tô và tháng 8/2021, ông S bị UBND xã Q lập Biên bản xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi xây dựng làm nơi rửa xe và buộc tháo dỡ công trình ...*). Cho nên, UBND huyện Q không làm việc với người có tài sản và yêu cầu tự tháo dỡ và di dời các tài sản trên đất là hoàn toàn phù hợp và đúng pháp luật.

[3] Theo đơn xin chuyển đất làm nhà của bà Phạm Thị K (*mẹ ông K*), được UBND xã Q xác nhận ngày 30/9/1994; thể hiện diện tích đất bà K xin là cách Vực Cầu hồ 30m (*phía Nam*). Căn cứ vào tờ bản đồ số 3, do UBND xã Q lập năm 1985 thì diện tích đất mà Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 08/3/2019, công nhận cho ông D nằm trong 30m này.

[4] Theo những phân tích như trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông K, ông S, ông P, bà T và S.

[5] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Riêng ông Đậu Ngọc K là người cao tuổi và có đơn nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[6] Quyết định về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của ông Đậu Ngọc K, ông Đậu Văn S, ông Bùi Minh P, bà Nguyễn Thị T và bà Đậu Thị S và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác đơn khởi kiện của ông Đậu Ngọc K đề nghị hủy Quyết định số 913/QĐ-CC ngày 17/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện Q về cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai; Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện Q.

2. Về án phí phúc thẩm:

- Ông Đậu Ngọc K được miễn.

- Ông Đậu Văn S, ông Bùi Minh P, bà Nguyễn Thị T và bà Đậu Thị S; mỗi người phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 05088 ngày 12/10/2022 (*ông Diệp Kiến Trúc nộp thay cho ông S*); theo biên lai thu số 05080 ngày 11/10/2022 (*ông Diệp Kiến Trúc nộp thay cho ông P*); theo biên lai thu số 05082 ngày 11/10/2022 (*ông Diệp Kiến Trúc nộp thay cho bà T*); theo biên lai thu số 05081 ngày 11/10/2022 (*ông Diệp Kiến Trúc nộp thay cho bà S*) của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh